TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ML** **TỈNH SL**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 14/2018/HSST Ngày 16/01/2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ML, TỈNH SL

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hồng Thái và bà Bùi Thị Điều.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Trung Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện ML tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Chí Công - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện ML, tỉnh SL xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2017/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2017, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2017/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 01 năm 2018 đối với bị cáo:

Đ.B.T, sinh ngày 06/5/1985 tại Yên Sơn, Tuyên Quang; Nơi ĐKHKTT: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đinh Xuân M, sinh 1953 và bà Hoàng Thị X, sinh 1956; có vợ là Hoàng Phương H, sinh 1983 và có 03 con lớn sinh năm 2007, nhỏ sinh 2017; Tiền án, tiền sự, nhân thân: Không có án tích, không bị xử phạt vi phạm hành chính, xử lý kỷ luật; Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú ngày 19/10/2017; Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên toà.

Người bị hại: Anh N.M.Đ, sinh 1991, địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL.

Người đại diện hợp pháp của người bị hại (Đại diện theo ủy quyền ngày 15/10/2017): Ông N.V.C, sinh 1961, địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Đều có đơn đề nghị xử vắng mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị H.P.H, sinh 1983, địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo **Đ.B.T** bị Viện kiểm sát nhân dân huyện ML truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Ngày 14/10/2017 Đ.B.T, sinh ngày 06/5/1985 trú tại: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL đến nhà ông Nguyễn Văn C cùng bản ăn cưới con trai ông C, sau khi ăn cưới xong Đ.B.T lên tầng 4 uống nước. Trong lúc ngồi uống nước Đ.B.T thấy chiếc điện thoại hiệu Iphone 7 Plus 128 GB đang cắm sạc điện trên bàn, Đ.B.T nảy sinh ý định chiếm đoạt đem bán lấy tiền tiêu xài, lợi dụng không ai để ý Đ.B.T đã lấy điện thoại mang xuống tầng 1 đem cất giấu vào cốp xe máy, sau đó Đ.B.T lên tầng 4 tiếp tục ngồi uống nước. Khoảng 12 giờ 30 phút, không thấy điện thoại của mình anh N.M.Đ, sinh 1991, địa chỉ: Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL đã hỏi Đ.B.T có cầm điện thoại của anh không, Đ.B.T trả lời không biết, anh Đức mượn điện thoại và định vị phát hiện điện thoại mất trong cốp xe của Đ.B.T, anh N.M.Đ yêu cầu Đ.B.T mở cốp xe, nhưng Đ.B.T nói mất chìa khóa, anh N.M.Đ đã trình báo Công an. Công an và mọi người chứng kiến việc Đ.B.T tự giác lấy điện thoại trong cốp xe giao nộp.

Công an thu giữ vật chứng gồm:

01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 GB màu đỏ;

01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu đen, đỏ, trắng biển kiểm soát 26B1-932.01

01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 092099 mang tên Đ.B.T.

Ngày 17/10/2017 Hội đồng định giá xác định: 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 GB màu đỏ có trị giá là 23.490.000 đồng. Tài sản trên được xác định là của anh N.M.Đ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo Đ.B.T đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản".

Bản cáo trạng số: 23/KSĐT ngày 20 tháng 12 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện ML, tỉnh SL truy tố bị cáo: Đ.B.T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Đ.B.T phạm tội "Trộm cắp tài sản"; Căn cứ khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46, khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Đ.B.T từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; Đề nghị Hội đồng xét xử ấn định thời gian thử thách cho bị cáo. Không áp dụng hình phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 GB màu đỏ cho anh N.M.Đ và anh N.M.Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu đen, đỏ, trắng biển kiểm soát 26B1-932.01 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 092099 mang tên Đ.B.T. Được xác định là tài sản chung của gia đình bị cáo, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị H.P.H là vợ bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ hộp trung thu hữu nghị dùng để niêm phong đã được mở.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên Quyết định truy tố. Bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhất trí với Quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Người bị hại anh N.M.Đ, người đại diện hợp pháp của người bị hại đều đề nghị được xét xử vắng mặt, sự vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt vẫn đảm bảo quyền lợi của họ.

[2]. Xét về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện ML, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện ML, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Tại phiên toà bị cáo Đ.B.T thừa nhận: Ngày 14/10/2017 đã lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 GB màu đỏ của anh N.M.Đ có trị giá là 23.490.000 đồng.

Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa ngày hôm nay phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập: Lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; đơn trình báo của người bị hại, lời khai của người làm chứng, vật chứng của vụ án, biên bản khám nghiệm hiện trường, biên bản định giá tài sản.

Từ các căn cứ trên có đủ cơ sở kết luận: Hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản trị giá 23.490.000 đồng của bị cáo Đ.B.T đã phạm tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo do không có tài sản.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của Bị cáo: Là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, xâm phạm đến lợi ích hợp pháp của công dân, trật tự an toàn xã hội, do đó bị cáo phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h "Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng", điểm p "Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải", gia đình bị cáo và chính quyền địa phương, có đơn bảo lãnh, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, ngoài lần phạm tội này bị cáo luôn chấp hành đúng chính sách, pháp luật, thực hiện các nghĩa vụ công dân, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú cụ thể rõ ràng; bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự năm 1999, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Từ các căn cứ trên xét thấy bị cáo có đủ điều kiện cho hưởng án treo theo quy định của khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

[4]. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Áp dụng khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 GB màu đỏ cho anh N.M.Đ và anh N.M.Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Đối với 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu đen, đỏ, trắng biển kiểm soát 26B1-932.01 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 092099 mang tên Đ.B.T. Được xác định là tài sản chung của gia đình bị cáo, Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả cho chị H.P.H là vợ bị cáo.

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ hộp trung thu hữu nghị dùng để niêm phong đã được mở.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, 2 Điều 60 của Bộ luật Hình sự năm 1999.

1. Tuyên bố bị cáo Đ.B.T phạm tội: "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đ.B.T 14 (mười bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 28 (hai mươi tám) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án ngày 16/01/2018.

Giao bị cáo Đ.B.T cho Ủy ban nhân dân xã TB, huyện ML, tỉnh SL giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

Không áp dụng hình phạt Bổ sung - Phạt tiền đối với bị cáo.

2. Vật chứng vụ án và trách nhiệm bồi thường: Căn cứ khoản 2 Điều 41, khoản 1 Điều 42 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại 01 chiếc điện thoại cảm ứng nhãn hiệu Iphone 7 Plus 128 GB màu đỏ cho anh N.M.Đ và anh N.M.Đ không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm.

Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả cho chị H.P.H 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA NOUVO màu đen, đỏ, trắng biển kiểm soát 26B1-932.01 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 092099 mang tên Đ.B.T.

Tịch thu tiêu hủy: 01 vỏ hộp bánh trung thu hữu nghị dùng để niêm phong đã được mở, bên ngoài được gói bằng giấy trắng, mặt trước vỏ hộp ghi vật chứng thu

giữ trong xe máy của Đ.B.T ngày 04/10/2017 tại Bản K, xã TB, huyện ML, tỉnh SL. (theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện ML, tỉnh SL).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về Án phí, Lệ phí Tòa án.

Buộc Đ.B.T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 16/01/2018. Người bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh SL;
- Sở tư pháp tỉnh SL;
- VKSND huyện ML (2);
- Công an huyện ML;
- THAHS;
- Chi cục THA dân sự huyện ML;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Minh Tuấn